TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:159/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2019
"*V/v tranh chấp*: *Xin ly hôn và nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Đăng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đạt
2. Bà Nguyễn Thị Bạch Vân

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Hứa Quốc Cường – Thư ký tòa án nhân dân huyện Kiên Lương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc "*Xin ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phan Thị T** – sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố K, thị trấn K, huyện K, tỉnh K.

Bị đơn: Anh **Đặng Văn P** – sinh năm 1980 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Ba, thị trấn K, huyện K, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 15/7/2019, lời khai tại phiên hòa giải ngày 16/8/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Chị và anh Đặng Văn P chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2001, có làm đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc và có sinh được 02 người con chung là Đặng Trúc H, sinh ngày 10/11/2003 và Đặng Thị Tiểu P, sinh ngày 15/10/2002, năm 2006 do gia đình khó

khăn nên anh P đi làm xa, (đi ghe biển ở Cà Mau) và có qua lại với người phụ nữ khác, chị T có đến nơi tìm gặp và chứng kiến việc đó, sau đó anh P có về xin lỗi chị T, chị vì con nên bỏ qua. Tuy nhiên thời gian sau anh P vẫn qua lại với người phụ nữ đó, chị T đã khuyên nhiều lần nhưng không có kết quả, nhận thấy tình cảm không còn không thể hàn gắn được và hiện vợ chồng đã ly thân hơn 06 năm nay. Nay chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Đặng Văn P.

- Về con chung: Yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung là Đặng Trúc H, sinh ngày 10/11/2003 và Đặng Thị Tiểu P, sinh ngày 15/10/2002 và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và cho vay nợ: Không có nợ chung và không cho ai vay nợ.

Tại bản tự khai ngày 15/8/2019 và phiên hòa giải ngày 16/8/2019 anh Đặng Văn P trình bày:

Anh P thống nhất với trình bày của chị T, anh và vợ là Phan Thị T chung sống với nhau vào năm 2001, có đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, có được 02 người con chung là Đặng Trúc H, sinh ngày 10/11/2003 và Đặng Thị Tiểu P, sinh ngày 15/10/2002, thời gian về sau vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không hợp tính tình, anh mới đi làm ăn xa ở Cà Mau, ở đó anh P cũng có quen một người phụ nữ khác và đã ly thân với chị T hơn 06 năm, tình cảm vợ chồng đã không còn. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn thì anh P có ý kiến:

- Về hôn nhân: Anh P đồng ý ly hôn với chị Phan Thị T.

- Về con chung: Có 02 người con chung là Đặng Trúc H, sinh ngày 10/11/2003 và Đặng Thị Tiểu P, sinh ngày 15/10/2002 anh đồng ý giao 02 con cho chị Phan Thị T nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Hai cháu Đặng Trúc H, và Đặng Thị Tiểu P trình bày nguyện vọng nếu cha mẹ ly hôn thì hai cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và cho vay nợ: Không có nợ chung và không cho ai vay nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đặng Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Chị Phan Thị T và anh Đặng Văn P yêu thương và tự nguyện chung sống và có làm đám cưới vào năm 2001 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Do đó hôn nhân giữa chị T và anh P không hợp pháp đã vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không đăng ký theo quy định tại điều khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Nguyên nhân xin ly hôn: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh P phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và tính tình không hợp nhau, do đó anh P bỏ đi làm ăn xa ở Cà Mau và có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị T có tìm đến nơi và chứng kiến sự việc, sau đó anh P có về xin lỗi chị T, chị cũng bỏ qua vì thương con, không muốn gia đình đỗ vỡ. Tuy nhiên thời gian sau đó anh P tiếp tục qua lại với người phụ nữ đó nên chị T làm đơn yêu cầu ly hôn thì anh P cũng đồng ý, hiện anh chị đã ly hơn 06 năm nay.

Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên nhiều lần để hàn gắn tình cảm cho chị T và P nhưng hai bên đều cương quyết ly hôn.

Hôn nhân giữa chị T và anh P không có làm thủ tục đăng ký kết hôn và chị T có yêu cầu xin ly hôn nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh P.

Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này…".

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền nghĩa vụ giữa vợ chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này".

[4] Về con chung: Chị T và anh P có 02 người con chung gồm Đặng Trúc H sinh ngày 10/11/2003 và Đặng Thị Tiểu P, sinh ngày 15/10/2002 chị T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng của chị T là có căn cứ và phù hợp bởi hai cháu H và P đều có nguyện vọng sống chung với chị T, hơn nữa anh P cũng thống nhất theo yêu cầu của chị T nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Hai bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung và cho vay nợ: Hai bên thống nhất không có nợ chung và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị T có yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015
- Căn cứ vào các Điều 9; Điều 53; Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Phan Thị T và anh Đặng Văn P là vợ chồng.

- Về con chung: Giao giao 02 người con chung gồm Đặng Trúc H, sinh ngày 10/11/2003 và Đặng Thị Tiểu P, sinh ngày 15/10/2002 cho chị Phan Thị T nuôi dưỡng. Anh Đặng Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Anh Đặng Văn P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cấm cản.

- Về tài sản chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không có nợ và không cho ai vay nợ nên không xem xét.

2. Về án phí: Căn cứ vào điều 144, Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) do chị T yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004321 ngày 17/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương (đã thực hiện xong).

3. <u>Quyền kháng cáo</u>: Báo cho chị Phan Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/9/2019). Anh Đặng Văn P được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Kiên Lương;*
- *Thi Hành Án DS h. Kiên Lương;*
- *Những người TGTT;*
- *Lưu tập án, hồ sơ*
- *Lưu VP./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Đình Đăng